

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng									
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác			
					Nguyên sách	Nguồn khác											
															6	7	8
1	2	3	4	5													
363	Bơm tiêm điện	Khoa HSCC - Nhi	1	25.800			25.800										
364	Bơm thuốc chia liều Methadone	Cơ sở điều trị Methadone	1	19.000			19.000										
365	Bộ tiêu phẫu: mã: 11 - 100 FrienfaIndustries	Trạm Y tế xã Liễu Đô	1	11.606			11.606										
366	Bộ tiêu phẫu: mã: 11 - 100 FrienfaIndustries	Trạm Y tế xã Vĩnh Lạc	1	11.606			11.606										
367	Bộ tiêu phẫu	PKĐK KV Khánh Hòa	1	24.886			24.886										
368	Bộ tiêu phẫu	PKĐK KV Khánh Hòa	1	24.886			24.886										
369	Bộ tháo vít tròn, toét trong y tế	Khoa ngoại - Liên chuyên khoa	1	30.250			30.250										
370	Bộ tăng âm di động	Trạm Y tế xã Trúc Lầu	1	17.897			17.897										
371	Bộ tăng âm cố định	Trạm Y tế xã Tân Lập	1	11.300	11.300												
372	Bộ tăng âm cố định	Trạm Y tế xã Phúc Lợi	1	11.300	11.300												
373	Bộ tăng âm	Trạm Y tế xã Yên Thắng	1	17.897			17.897										
374	Bộ tăng âm	Trạm Y tế xã Vĩnh Lạc	1	17.897			17.897										
375	Bộ tăng âm	Trạm Y tế xã Tô Mậu	1	17.897			17.897										
376	Bộ rút tháo đinh nội tủy	Khoa ngoại - Liên chuyên khoa	1	32.500			32.500										
377	Bộ phẫu thuật cắt Amydan	Khoa ngoại - Liên chuyên khoa	1	74.000			74.000										
378	Bộ nội soi dạ dày, đại tràng có camera Full HD, bộ rửa dây soi, máy rửa siêu âm, bộ bảo trì, bộ kiểm tra rò rỉ	Khoa khám bệnh	1	3.146.015			3.146.015										
379	Bộ nhò răng người lớn: Code: 600-1	Trạm Y tế xã Vĩnh Lạc	1	26.921			26.921										
380	Bộ mô phẫu thuật thủy tinh thể	Khoa khám bệnh	1	51.520	51.520												
381	Bộ máy VT ASEAN	Phòng siêu âm	1	10.900	10.900												
382	Bộ máy VT ASEAN	Phòng kế toán	1	11.000	11.000												
383	Bộ máy Vi tính Acer - 000104F3000ABD4276	Trạm Y tế xã Yên Thắng	1	14.839			14.839										
384	Bộ máy vi tính (Cây, màn, máy in, hệ thống TB mang)	Trạm Y tế xã Liễu Đô	1	15.000			15.000										
385	Bộ máy vi tính (Cây, màn, máy in, hệ thống TB mang)	Trạm Y tế xã Tân Lĩnh	1	15.000			15.000										

Page 16

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
386	Bộ máy vi tính (cả máy in và hệ thống TB mạng)	Trạm Y tế xã Lâm Thương	1	17.000		17.000				x				
387	Bộ Lưu điện SANTAK 3000VA	Khoa CLS - GP Bệnh	1	26.741		26.741				x				
388	Bộ khâu cắt tầng sinh môn	PKĐK KV Khánh Hòa	1	33.208		33.208	12.453		x	x				
389	Bộ khám ngũ quan	Khoa khám bệnh	1	10.969		10.969	4.113		x	x				
390	Bộ khám ngũ quan	Khoa khám bệnh	1	10.969		10.969	4.113		x	x				
391	Bộ khám ngũ quan	Khoa được - Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	10.969		10.969	4.113			x				
392	Bộ hồi sức sơ sinh kèm pin vận hành máy hút dịch, bình oxy, lưu lượng kế và đường khí	PKĐK KV Khánh Hòa	1	27.624		27.624	10.359			x				
393	Máy Laser CO2 (liên tục)	Khoa khám bệnh	1	139.000		139.000	66.025			x				
394	Hệ thống gây mê kèm thở (bảng khí)	Khoa ngoại - Liên chuyên khoa	1	514.500		514.500	12.863			x				
395	Hệ thống gọi y tá	Khoa phụ sản và CSSKSS	1	85.176		85.176	23.423			x				
396	Máy đo SpO2 cầm tay	Khoa HSCC - Nhi	1	10.600		10.600	5.035			x				
397	Máy đo SpO2 cầm tay	Khoa HSCC - Nhi	1	10.600		10.600	5.035			x				
398	Máy đo SpO2 cầm tay	Khoa HSCC - Nhi	1	10.600		10.600	5.035			x				
399	Máy đo SpO2 cầm tay	Khoa HSCC - Nhi	1	10.600		10.600	5.035			x				
400	Máy đo nồng độ cồn Sentech ALPI-1	Phòng KHNH	1	26.180		26.180	15.708			x				
401	Máy đo lưu huyết não 1 kênh	Khoa nội - Truyền nhiễm	1	167.160		167.160				x				
402	Máy đo lưu huyết não	Khoa khám bệnh	1	496.500		496.500	434.438			x				
403	Máy đo loãng xương bằng tia X-Quang	Khoa CLS - GP Bệnh	1	339.675		339.675				x				
404	Máy đo huyết áp tự động	Trạm Y tế xã Tô Mậu	1	57.973		57.973	39.132			x				
405	Máy đo huyết áp tự động	Trạm Y tế xã Vĩnh Lạc	1	57.973		57.973	39.132			x				
406	Máy đo huyết áp tự động	Trạm Y tế xã Yên Thắng	1	57.973		57.973	39.132			x				
407	Máy đo huyết áp tự động	Trạm Y tế xã Liễu Đô	1	57.973		57.973	39.132			x				
408	Máy đo huyết áp tự động	Trạm Y tế xã Trúc Lâu	1	57.973		57.973	39.132			x				
409	Máy đo độ bão hòa oxy	Khoa nội - Truyền nhiễm	1	74.739		74.739	28.027			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguyên sách	Nguyên khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
410	Máy đo độ bão hòa oxy	Khoa nội - Truyền nhiễm	1	74.739		74.739	28.027			x					
411	Máy đo điện não đồ 24 kênh kỹ thuật số	Khoa khám bệnh	1	448.056		448.056	168.021			x					
412	Máy đo chức năng hô hấp	Khoa HSCC - Nhi	1	101.680		101.680	78.802			x					
413	Máy đo chức năng hô hấp	Khoa nội - Truyền nhiễm	1	101.680		101.680	78.802			x					
414	Máy đo chức năng hô hấp	Khoa khám bệnh	1	101.680		101.680	78.802			x					
415	Máy đo bão hòa Oxy trong máu qua da	Khoa CLS - GP Bệnh	2	33.600		33.600	840			x					
416	Máy điều trị sóng ngắn	Khoa y học cổ truyền	1	135.000		135.000	23.625			x					
417	Máy điều hòa treo tường HITACHI(2 cái)khoa dược	Khoa dược - Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	22.800	22.800				x						
418	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic(3 cái)(K.T, điều dưỡng, nhà mổ)	Phòng tổ chức hành chính	3	45.015	45.015				x						
419	Máy điều hòa nhiệt độ 12000BTU	Phòng tổ chức hành chính	1	16.185		16.185			x						
420	Máy điều hòa nhiệt độ 12000BTU	Phòng tổ chức hành chính	1	16.185		16.185			x						
421	Máy điều hòa nhiệt độ 12000BTU	Phòng tổ chức hành chính	1	16.185		16.185			x						
422	Máy điều hòa Mitsubishi	Khoa phụ sản và CSSKSS	1	11.100	11.100				x						
423	Máy điều hòa không khí Panasonic 12.000 BTU	Khoa khám bệnh	1	11.000		11.000	1.375		x						
424	Máy điều hòa Gree 18.000BTU	Khoa ngoại - Liên chuyên khoa	1	19.400		19.400	9.700		x						
425	Máy đo thị lực điện tử (máy chiếu biểu đồ thị lực)	Khoa khám bệnh	1	26.500		26.500	12.588		x						
426	Máy điều hòa Gree	PKĐK KV Khánh Hòa	1	10.800	10.800				x						
427	Máy đọc mã vạch	Phòng hành chính tổng hợp	1	14.894	14.894		2.234		x						
428	Máy giặt đồ vải 20 kg POWERLINE HE 40	Khoa dược - Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	144.210	144.210				x						
429	Máy làm ấm trẻ sơ sinh di động	Khoa HSCC - Nhi	1	144.002		144.002	54.001		x						
430	Máy làm ấm dịch truyền	Khoa HSCC - Nhi	1	47.061		47.061	17.648		x						
431	Máy làm ấm dịch truyền	Khoa HSCC - Nhi	1	47.061		47.061	17.648		x						

Page 20

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng									
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác			
					Nguyên sách	Nguyên khác											
															5	6	7
1	2	3	4														
432	Máy làm ấm dịch truyền	Khoa HSCC - Nhi	1	47.061		47.061	17.648		x								
433	Máy lắc IKA india - RoMer10.06.217217	Khoa CLS - GP Bệnh	1	101.604		101.604	63.502		x								
434	Máy khuấy từ IMS 1. 1951121 - Đức	Khoa CLS - GP Bệnh	1	41.383		41.383	25.864		x								
435	Máy khoan xương Bojin BJ1103B	Khoa ngoại - Liên chuyên khoa	1	47.500		47.500	22.563		x								
436	Máy khí máu không có điện giải	Khoa CLS - GP Bệnh	1	329.536		329.536	123.576		x								
437	Máy in siêu âm đen trắng (đa năng)	Phòng siêu âm	1	22.890		22.890			x								
438	Máy in Laser A4	Phòng tổ chức hành chính	1	13.848		13.848			x								
439	Máy in Laser A4	Phòng tổ chức hành chính	1	13.848		13.848			x								
440	Máy in Laser A4	Phòng tổ chức hành chính	1	13.848		13.848			x								
441	Máy in Laser A4	Phòng tổ chức hành chính	1	13.848		13.848			x								
442	Máy in Laser A4	Phòng tổ chức hành chính	1	13.848		13.848			x								
443	Máy in kết quả siêu âm đen trắng	Khoa khám bệnh	1	24.500		24.500	6.738		x								
444	Máy in đa năng (in màu)	Phòng tổ chức hành chính	1	28.555		28.555			x								
445	Máy in A3	Phòng tổ chức hành chính	1	39.063		39.063			x								
446	Máy in Laser	Phòng kế toán	1	10.450		10.450			x								
447	Máy hút điện kèm bình kép 2 lít	Khoa HSCC - Nhi	1	27.678		27.678	10.379			x							
448	Máy hút điện kèm bình kép 2 lít	PKĐK KV Khánh Hòa	1	27.678		27.678	10.379			x							
449	Máy hút điện	Trạm Y tế xã Trúc Lâu	1	10.000		10.000	1.500			x							
450	Máy hút điện	Trạm Y tế xã Minh Xuân	1	10.000		10.000	1.500			x							
451	Máy hút dịch đờm(Đài Loan)-khoa nội nhi	Khoa HSCC - Nhi	1	19.800	19.800					x							
452	Máy hút dịch chạy điện	Khoa phụ sản và CSSKSS	1	27.687		27.687	10.383			x							
453	Máy hút dịch chạy điện	Khoa phụ sản và CSSKSS	1	27.687		27.687	10.383			x							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
454	Máy hút dịch 2 bình, 2L KOUISHIN TAF-6000FD	Khoa ngoại - Liên chuyên khoa	1	40.252	40.252		11.069		x					
455	Máy hút dịch 2 bình	Khoa ngoại - Liên chuyên khoa	3	80.955		80.955	2.024		x					
456	Máy hút âm CHKAWAI(3 chiếc)	Phòng kế hoạch nghiệp vụ	1	19.500	19.500				x					
457	Máy hô hấp nhân tạo ACOMA	Khoa ngoại - Liên chuyên khoa	1	206.000	206.000				x					
458	Máy giặt công nghiệp 27,4 kg	Khoa dược - Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	470.800		470.800			x					
459	Hệ thống gọi y tá	Khoa nội - Truyền nhiễm	1	82.126			22.585		x					
460	Máy điều hòa Gree	Khoa truyền thông	1	12.800	12.800				x					
461	Máy điều hòa Daikin - Cơ sở	Cơ sở điều trị	1	12.900	12.900		9.675		x					
462	Mạng Lan	Methadone	1	99.649			14.947		x					
463	Màn hình hiển thị TV SONY 48" (Bộ giao ban trực tuyến)	Phòng tổ chức hành chính	1	18.700		18.700								
464	Lồng áp tré sơ sinh có đèn chiếu vàng da	Khoa HSCC - Nhi	1	119.910		119.910			x					
465	Lồng áp tré sơ sinh	Khoa HSCC - Nhi	1	128.000		128.000	60.800		x					
466	Kính lúp soi nổi	Khoa CLS - GP Bệnh	1	50.061		50.061	18.773		x					
467	Kính lúp soi nổi	Khoa CLS - GP Bệnh	1	50.061		50.061	18.773		x					
468	Kính hiển vi NIKON S100	Khoa CLS - GP Bệnh	1	15.626		15.626			x					
469	Kính hiển vi CT Lao	Khoa CLS - GP Bệnh	1	19.300		19.300			x					
470	Kính hiển vi 2 mắt Pink MC50	Khoa dược - Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	27.577	27.577		7.584		x					
471	Kính hiển vi 2 mắt (3 đường truyền quang)	Khoa CLS - GP Bệnh	1	75.075			28.153		x					
472	Kính hiển vi 2 mắt (3 đường truyền quang)	Khoa CLS - GP Bệnh	1	75.075			28.153		x					
473	Kính hiển vi 2 mắt	PKĐK KV Khánh Hòa	1	31.865			11.949		x					
474	Kính hiển vi 2 mắt	Khoa CLS - GP Bệnh	1	22.999	22.999				x					
475	Kính hiển vi	Trạm Y tế xã Lâm Thượng	1	25.000			3.750		x					
476	Kính hiển vi	Trạm Y tế xã Trúc Lâu	1	28.000		28.000	4.200		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
477	Kính hiển vi	Khoa CLS - GP Bệnh	1	28.000		28.000	4.200			x				
478	Kim nhổ răng trẻ em	Trạm Y tế xã Yên Thắng	1	25.427		25.427	17.163			x				
479	Kim nhổ răng trẻ em	Trạm Y tế xã Trúc Lâu	1	25.427		25.427	17.163			x				
480	Kim nhổ răng người Lớn	Trạm Y tế xã Liễu Đô	1	26.921		26.921	18.172			x				
481	Kim nhổ răng người Lớn	Trạm Y tế xã Vĩnh Lạc	1	26.921		26.921	18.172			x				
482	Kệ để hồ sơ bệnh án	Phòng kế hoạch nghiệp vụ	7	70.308		70.308	26.366			x				
483	Hòm lạnh	Kho lạnh	1	12.044		12.044				x				
484	Hố rác	Phòng hành chính tổng hợp	1	16.200	16.200		3.240			x				
485	Hồ chứa rác thải - TTYT	Phòng hành chính tổng hợp	1	70.600		70.600	45.890			x				
486	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng	Khoa ngoại - Liên chuyên khoa	1	2.578.500	2.578.500		966.938			x				
487	Hệ thống oxy	Khoa nội - Truyền nhiễm	1	872.484		872.484				x				
488	Hệ thống máy gây mê kèm thở	Khoa ngoại - Liên chuyên khoa	1	568.010		568.010	269.805			x				
489	Hệ thống khí y tế trung tâm bao gồm khí oxy, khí hút, khí nén	Khoa được - Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	7.757.835		7.757.835	3.684.972			x	x			
490	Hệ thống gọi y tá	Khoa HSCC - Nhi	1	89.262		89.262	24.547			x				
491	Máy rửa YOSHIDA	Khoa khám bệnh	1	269.000	269.000					x				
492	Máy điều hòa Gree	PKĐK KV Khánh Hòa	1	10.800	10.800				x					
493	Máy chiếu	Phòng Dân số	1	10.357		10.357			x					
494	Máy chiếu ESON WB-09	Phòng kế hoạch nghiệp vụ	1	19.830	19.830		7.932		x					
495	Máy điều hòa Daikil	Khoa y học cổ truyền	2	31.540		31.540	15.770		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
496	Máy điều hòa cục bộ treo tường-Inverter- 2 chiều lạnh/ sưởi ấm (công suất lạnh: 695kW) Model: CU-Z24TKH-8/CS-Z24TKH-8, SN: 4904100164	PKĐK KV Khánh Hòa	1	33.500		33.500	4.188		x					
497	Máy điều hòa cục bộ treo tường-Inverter- 2 chiều lạnh/ sưởi ấm (công suất lạnh: 3.5kW) Model: CU-YZ12SKH-8/CS-YZ12SKH-8, SN: 3995723603	PKĐK KV Khánh Hòa	1	14.500		14.500	1.813		x					
498	Máy điều hòa cục bộ treo tường-Inverter- 2 chiều lạnh/ sưởi ấm (công suất lạnh: 3.5kW) Model: CU-YZ12SKH-8/CS-YZ12SKH-8, SN: 3995723603	PKĐK KV Khánh Hòa	1	14.500		14.500	1.813		x					
499	Máy điều hòa 2 chiều 12000 BTU	Phòng tổ chức hành chính	1	16.500		16.500			x					
500	Máy điều hòa 2 chiều 12000 BTU	Phòng tổ chức hành chính	1	16.500		16.500			x					
501	Máy điều hòa 2 chiều 12000 BTU	Phòng tổ chức hành chính	1	16.500		16.500			x					
502	Máy điều hòa 2 chiều 12000 BTU	Phòng tổ chức hành chính	1	16.500		16.500			x					
503	Máy điều hòa 2 chiều 12000 BTU	Phòng tổ chức hành chính	1	16.500		16.500			x					
504	Máy điều hòa 2 chiều 12000 BTU	Phòng tổ chức hành chính	1	16.500		16.500			x					
505	Máy điều hòa 18000 BTU	Phòng tổ chức hành chính	1	23.200		23.200			x					
506	Máy điều hòa 18000 BTU	Phòng tổ chức hành chính	1	23.200		23.200			x					
507	Máy điều hòa 18000 BTU	Phòng tổ chức hành chính	1	23.200		23.200			x					
508	Máy điều hòa 18000 BTU	Phòng tổ chức hành chính	1	23.200		23.200			x					
509	Máy điện xung	Khoa y học cổ truyền	1	120.000		120.000	21.000			x				
510	Máy điện tim 6 kênh (Đ/c từ TYT xã Lâm Thượng)	Khoa nội - Truyền nhiễm	1	76.000		76.000	11.400			x				
511	Máy điện tim 6 kênh	Khoa HSCC - Nhi	1	65.000		65.000	9.750		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
512	Máy điện tim 6 kênh	Trạm Y tế xã Trúc Lầu	1	80.000		80.000	12.000		x					
513	Máy điện tim 6 kênh	Trạm Y tế xã Minh Xuân	1	80.000		80.000	12.000		x					
514	Máy điện tim 6 kênh tự động	Phòng siêu âm	1	58.800		58.800			x					
515	Máy điện tim 3 kênh, 12 đạo trình	PKĐK KV Khánh Hòa	1	63.652		63.652	23.869		x					
516	Máy điện tim 12 kênh - Kenz Cardio PC 1201	Khoa khám bệnh	1	17.538		17.538	15.345			x				
517	Máy điện tim 12 kênh	Khoa HSCC - Nhi	1	74.500		74.500	35.388			x				
518	Máy điện phân Iono Base	Khoa y học cổ truyền	1	31.000		31.000	5.425			x				
519	Máy điện phân giác hút	Khoa y học cổ truyền	1	115.000		115.000	20.125			x				
520	Máy điện tim 6 kênh	Khoa nội - Truyền nhiễm	1	41.000	41.000					x				
521	Máy chủ IBM 3650	Phòng KHNH	1	79.000		79.000			x					
522	Máy chủ (Server)	Phòng KHNH	1	174.041		174.041			x					
523	Máy chủ - DELLEMC R450	Phòng KHNH	1	141.900		141.900	56.760		x					
524	Máy chiếu	Phòng tổ chức hành chính	1	75.575		75.575			x					
525	Xe tiêm 3 tầng	Khoa ngoại - Liên chuyên khoa	1	13.629		13.629			x					

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Sửu

Ngày 07 tháng 01 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Trần Trung Thành

Bộ, tỉnh: Tỉnh Yên Bái
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND huyện Lục Yên
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung Tâm Y Tế huyện Lục Yên
Mã đơn vị: 1120111
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2024

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tiền thu được từ xử lý tài (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà	804.027	60.893	12.166												
1	Nhà dinh dưỡng bệnh viện tại Tổ 13 Thị trấn Yên Thế - huyện Lục Yên		60.893	12.166						x						
2	Nhà được (cấp 2) tại	804.027								x						
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác	3.671.084	2.092.922	538.780												
1	Bàn để thép không gỉ		8.374	2.303						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
2	Bàn để thép không gỉ		8.374	2.303						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
3	Bàn để thép không gỉ		9.500	2.613						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
4	Bàn để thép không gỉ		8.374	2.303						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
5	Bàn để thép không gỉ		8.374	2.303						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
6	Bàn để thép không gỉ		9.500	2.613						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
7	Bàn để thép không gỉ		8.374	2.303						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
8	Bàn để thép không gỉ		5.580	1.535						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
9	Bán đế thép không rỉ		5.600	1.540						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
10	Bán đế thép không rỉ		5.580	1.535						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
11	Bán đế thép không rỉ		5.580	1.535						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
12	Ban ghe hơi trung	54.800								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
14	Ban ghe tiếp khách	15.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
15	Bán hợp bầu dục	9.200								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
16	Bán khám bệnh		5.159							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
17	Bán khám bệnh		5.181							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
18	Bán khám bệnh Inox		6.404	1.761						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
19	Bán khám bệnh Inox		6.404	1.761						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
20	Bán khám bệnh Inox		6.404	1.761						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
21	Bán khám bệnh Inox		6.404	1.761						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
22	Bán khám bệnh Inox		6.404	1.761						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
23	Bán khám phụ khoa		6.000	1.650						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
24	Bán khám phụ khoa		6.000	1.650						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
25	Bán khám phụ khoa		5.911	1.626						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
26	Bán khám phụ khoa		5.911	1.626						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)				Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền					Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Kiện thu được từ xử lý tài (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại		Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	2															
27	Bàn khám phụ khoa		5.911	1.626							x					
28	Bàn khám phụ khoa		5.911	1.626							x					
29	Bàn khám phụ khoa		5.911	1.626							x					
30	Bàn làm việc Hp'	5.500									x					
31	Bàn phòng giao ban		6.000	750							x					
32	Bàn phòng giao ban		6.000	750							x					
33	Bàn phòng giao ban		6.000	750							x					
34	Bàn phòng giao ban		6.000	750							x					
35	Bàn phòng giao ban		6.000	750							x					
36	Bàn phòng giao ban		6.000	750							x					
37	Bàn tiểu phẫu		6.404	1.761							x					
38	Bình ô xy xách tay có đồng hồ		5.419	1.490							x					
39	Bình ô xy xách tay có đồng hồ		5.419	1.490							x					
40	Bình ô xy xách tay có đồng hồ		5.419	1.490							x					
41	Bình ô xy xách tay có đồng hồ		5.419	1.490							x					
42	Bình ô xy xách tay có đồng hồ		5.419	1.490							x					
43	Bộ bàn ghế phòng họp	6.545		2.454							x					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)				Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền					Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tiền thu được từ xử lý tài (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
44	Bộ bàn ghế uống nước	6.500		813						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
45	Bộ CPU đồng nam á	7.400								x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
46	bộ dụng cụ tiểu phẫu		7.389	2.032						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
47	bộ dụng cụ tiểu phẫu		7.389	2.032						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
48	bộ dụng cụ tiểu phẫu		7.389	2.032						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
49	bộ dụng cụ tiểu phẫu		7.389	2.032						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
50	bộ dụng cụ tiểu phẫu		7.389	2.032						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
51	Bộ hồi sức sơ sinh (Ống hút nhớt, máy hút điện, mặt nạ, bóp bóng, hộp		6.900	1.898						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
52	Bộ hồi sức sơ sinh (Ống hút nhớt, máy hút điện, mặt nạ, bóp bóng, hộp		6.900	1.898						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
53	Bộ khám ngũ quan + Đèn treo trán		6.600	1.815						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
54	Bộ khám ngũ quan, đèn treo trán		6.590	1.812						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
55	Bộ khám ngũ quan, đèn treo trán		6.600	1.815						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
56	Bộ khám ngũ quan, đèn treo trán		6.600	1.815						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
57	Bộ khám ngũ quan, đèn treo trán		6.590	1.812						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
58	Bộ khám ngũ quan, đèn treo trán		6.590	1.812						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
59	Bộ khám ngũ quan, đèn treo trán		6.590	1.812						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
60	Bộ khám thai		5.911	1.626						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền					Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tiền thu được từ xử lý tài (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên ngân sách	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	14	15	16	17
61	Bộ khám thai		6.500	1.788						x					
62	Bộ khám thai		6.500	1.788						x					
63	Bộ khám thai		6.500	1.788						x					
64	Bộ khám thai		6.500	1.788						x					
65	Bộ khám thai		5.911	1.626						x					
66	Bộ khám thai		5.911	1.626						x					
67	Bộ khám thai		6.500	1.788						x					
68	Bộ khám thai		5.911	1.626						x					
69	Bộ khám thai		5.911	1.626						x					
70	Bộ khám thai (Đồng hồ, cân 120, huyết áp kế, ống nghe tim thai, ống nghe tim phổi, thước dây)		6.500	1.788						x					
71	Bộ khám thai (Đồng hồ, cân 120, huyết áp kế, ống nghe tim thai, ống nghe tim phổi, thước dây)		6.500	1.788						x					
72	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x					
73	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x					
74	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x					
75	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x					
76	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tài thu được từ xử lý tài (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
77	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
78	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
79	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
80	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
81	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
82	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
83	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
84	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
85	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
86	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
87	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
88	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
89	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
90	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
91	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
92	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
93	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
94	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tiền thu được từ xử lý tài (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
95	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
96	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
97	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
98	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
99	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
100	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
101	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
102	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
103	Bộ lưu điện SANTAK 1000VA		5.113							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
104	Bộ máy vi tính 2006	11.500													x	
105	Bộ máy vi tính để bàn CMS - X - Media màn hình CMS VA2215-H-VNI		9.200	9.200						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
106	Bộ máy vi tính Samsung + Lưu điện		9.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
108	Bộ phẫu thuật mổ	5.817								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
109	Bơm định liều loại 1 - 5ml		8.448	3.379						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
110	Bơm định liều loại 1 - 5ml		8.448	3.379						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
111	Bơm tiêm điện - KL 602		8.615	7.754						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
112	Bồn rửa mắt khẩn cấp	6.980		175						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Lên thu được từ xử lý tài (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
113	Cây máy tính ASEAN	6.800								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
114	Cây máy vi tính 2006	7.600								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
115	Đầu thu phát hình KTS 4 kênh + 1 ổ cứng 1 TB		9.800							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
116	Đèn mờ treo trần 10 bóng	127.000														
117	Đèn soi bóng đồng tử		8.295	4.148						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
119	Điều hòa 1 chiều Midea MSMA2-10CRN1 9.000 BTU	6.790		2.546						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
120	Doppler tim thai		6.860							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
121	Ghế ngồi chờ BN bằng 4 mặt nhựa (12 cái)		23.364													
122	Giá bảo quản thuốc 4 tầng bằng Inox		7.800	1.950						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
123	Giá bảo quản thuốc 4 tầng bằng Inox		7.800	1.950						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
124	Giá bảo quản thuốc 4 tầng bằng Inox		7.800	1.950						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
125	Giường bệnh		9.000	2.475						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
126	Giường bệnh		9.000	2.475						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
127	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cọc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
128	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cọc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
129	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cọc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
130	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cọc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Iên thu được từ xử lý tài (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
131	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cộc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
132	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cộc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
133	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cộc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
134	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cộc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
135	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cộc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
136	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cộc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
137	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cộc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
138	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cộc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
139	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cộc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
140	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cộc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
141	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cộc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
142	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cộc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
143	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cộc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
144	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cộc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
145	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cộc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
146	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cộc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
147	Giường BN sơn tĩnh điện (Kèm cộc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tiền thu được từ xử lý tài (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
148	Giường BN som tinh diện (Kèm cọc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
149	Giường BN som tinh diện (Kèm cọc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
150	Giường BN som tinh diện (Kèm cọc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
151	Giường BN som tinh diện (Kèm cọc truyền)		6.380	1.755						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
152	Hệ thống báo động	8.110								x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
153	Hệ thống báo động tự động		9.000	1.350						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
156	Kính hiển vi 2 thị kính		5.180							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
157	Màn chiếu treo tường		7.800							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
158	Màn hình ti vi		9.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
159	Máy bảo hoà ô xy	19.500													x	
160	Máy ảnh kỹ thuật số 1	7.700								x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
161	Máy ảnh kỹ thuật số 2	8.700								x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
170	Máy điều hòa Gree	9.900								x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
171	Máy điều hòa NAGAKAWA	9.500								x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
172	Máy điều hòa nhiệt độ		8.300							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
173	Máy điều hòa nhiệt độ	6.790		2.546						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
174	Máy điều hòa nhiệt độ	6.790		2.546						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
175	Máy điều hoà nhiệt độ (BS Lợi)	7.200								x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
176	Máy điều hòa nhiệt độ 2 cục	9.900								x	Ghi giám tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Lên thu được từ xử lý tài (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
178	Máy điều hoà nhiệt độ(BS Toàn)	7.200								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
179	Máy đo nhanh NO3 (Nitrat) Horiba	8.171		3.268						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
180	Máy đọc thẻ BHYT		5.896	2.358						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
181	Máy đọc thẻ BHYT		5.896	2.358						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
182	Máy đọc thẻ BHYT		5.896	2.358						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
183	Máy doppler đo nhịp tim thai HADECO ES-100 VII	8.551								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
184	Máy giặt Aqua FW 110Gt.n (11 kg)	7.800		6.825						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
185	Máy giặt Panasonic	7.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
186	Máy hút ẩm (Hiệu Edison - Thái Lan)	5.950		2.380						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
187	Máy hút ẩm (Hiệu Edison - Thái Lan)	5.950		2.380						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
188	Máy hút ẩm CHKAWAI	6.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
189	Máy hút ẩm DaiWa - kho Chính	5.800		5.220						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
190	Máy hút ẩm DaiWa - kho Ngoại trú	5.800		5.220						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
191	Máy hút ẩm DaiWa - kho Nội trú	5.800		5.220						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
192	Máy hút ẩm DaiWa - kho Vắcxin	5.800		5.220						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
193	Máy hút ẩm DaiWa - khoa XN	5.800		5.220						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
194	Máy hút ẩm(2 cái)	14.000													x	
195	Máy hút dịch		27.687	13.844						x	do nhập trùng					
196	Máy hút dịch		27.687	13.844						x	do nhập trùng					
197	Máy hút dịch chạy điện liên tục áp lực thấp SANKO CONTANT -1400	9.513								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)				Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo				Tiền thu được từ xử lý tài (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác																	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17				
198	Máy huyết học bán tự động 18 thông số PCE-210 ELMA	276.000																		
199	Máy in kết quả nội soi dạ dày		8.200	3.280						x	Ghi giám tài sản thành CCDC				x					
200	Máy in Lazer Canon LBP 226DW	9.500		7.600						x	Ghi giám tài sản thành CCDC									
201	Máy in Lazer Canon LBP 226DW	9.500		7.600						x	Ghi giám tài sản thành CCDC									
202	Máy in Lazer Canon LBP 226DW	9.500		7.600						x	Ghi giám tài sản thành CCDC									
203	Máy in Lazer Canon LBP 226DW	9.500		7.600						x	Ghi giám tài sản thành CCDC									
204	Máy in Lazer Canon LBP 226DW	9.500		7.600						x	Ghi giám tài sản thành CCDC									
205	Máy in Lazer Canon LBP 226DW	9.500		7.600						x	Ghi giám tài sản thành CCDC									
206	Máy in Lazer Canon LBP 226DW	9.500		7.600						x	Ghi giám tài sản thành CCDC									
207	Máy in Lazer Canon LBP 226DW	9.500		7.600						x	Ghi giám tài sản thành CCDC									
208	Máy in Lazer Canon LBP 226DW	9.500		7.600						x	Ghi giám tài sản thành CCDC									
209	Máy in Lazer Canon LBP 226DW	9.500		7.600						x	Ghi giám tài sản thành CCDC									
210	Máy in Lazer Canon LBP 226DW	9.500		7.600						x	Ghi giám tài sản thành CCDC									
211	Máy in Lazer Canon LBP 226DW	9.500		7.600						x	Ghi giám tài sản thành CCDC									
212	Máy in Lazer Canon LBP 226DW	9.500		7.600						x	Ghi giám tài sản thành CCDC									
213	Máy in- BP5100DW - (Dư án AHF)		5.027	5.027						x	Ghi giám tài sản thành CCDC									
214	Máy lấy cao răng ART M1		8.700	3.480						x	Ghi giám tài sản thành CCDC									
215	Máy lọc nước		9.450							x	Ghi giám tài sản thành CCDC									

Page 12

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền					Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Kiện thu được từ xử lý tài (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú	
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại		Xử lý khác					
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
216	Máy lọc nước Karopi	8.050								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
217	Máy ổn áp tự động 10KVA		8.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
218	Máy ổn áp tự động 10KVA		8.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
219	Máy ổn áp tự động 10KVA		8.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
222	Máy phát điện	5.300								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
226	Máy quét HP ScanJet Pro 3000S4 Sheet-feed Scanner	12.100		9.680						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
229	Máy siêu âm Fukuda Denishi		166.000							x					x	
230	Máy tạo ô xy 5l lít/phút(3 cái)	63.000								x	do nhập trùng				x	
231	Máy tạo ôxy di động SEQUAL MESA(3 cái)	47.589								x					x	
232	Máy theo dõi bệnh nhân NIHON-KOHDEN BSM-2301K	137.500								x					x	
234	Máy vi tính 2004	7.950								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
235	Máy vi tính 5	8.200								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
236	Máy vi tính 6	9.860								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
237	Máy vi tính 7	9.950								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
239	Máy vi tính BS Công(TTL LG17in)	9.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
241	Máy vi tính đồng y	7.600								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tiền thu được từ xử lý tài (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
242	Máy vi tính KHNV(máy in SAMSUNG 1610)	9.800								x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
243	Máy vi tính khoa khám bệnh(máy in SAMSUNG 1610)	9.800								x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
244	Máy vi tính khoa ngoại	8.300								x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
245	Máy vi tính khoa nội	8.300								x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
246	Máy vi tính KT(máy in P1005)	9.950								x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
247	Máy vi tính nội soi TMH(máy in màu Xerox C1110)	19.450													x	
248	Máy vi tính P. điều dưỡng	16.344													x	
249	Máy vi tính PK Khánh Hòa	9.700														
251	Máy vi tính Samsung		9.700							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
252	Máy vi tính thu viện phi	8.300														
253	Máy vi tính tinh cấp		9.500							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
254	Máy vi tính văn thư(máy in SAMSUNG 1610)	9.800								x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
255	Máy VT DA HIV cấp		9.350							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
261	Máy XN nước tiểu UA66 MIDRAY	19.500								x	do nhập trùng					
262	Nồi hấp kim và dụng cụ chăm cứu		8.500	2.338						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
263	Nồi hấp kim và dụng cụ chăm cứu		8.500	2.338						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tiền thu được từ xử lý tài (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
264	Nội hấp tiết trùng (CT mất ORRBIS)	40.794													x	
268	Ốn áp			6.000						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
269	Ốn áp 10KW	6.000								x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
271	Ốn áp lioa			6.000						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
272	Ốn áp lioa			6.000						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
273	Ốn áp tự động 10 KVA			8.000						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
274	Quầy lưu trữ			7.920	1.980					x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
275	Quầy lưu trữ			7.920	1.980					x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
276	Quầy lưu trữ			7.920	1.980					x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
277	Quầy lưu trữ			7.920	1.980					x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
278	Quầy lưu trữ			7.920	1.980					x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
279	Quầy lưu trữ			7.920	1.980					x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
280	Quầy lưu trữ			7.920	1.980					x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
281	Quầy lưu trữ			7.920	1.980					x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
282	Quầy lưu trữ			7.920	1.980					x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
283	Quầy lưu trữ			7.920	1.980					x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
284	Quầy lưu trữ			7.920	1.980					x	Ghi giám tài sản thành CCDC					

Page 15

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)				Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền					Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo				Kiện thu được từ xử lý tài (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ					
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17			
285	Quầy lưu trữ 4 tầng bằng inox		7.920	1.980						x	Ghi giám tài sản thành CCDC								
286	Thiết bị phối hợp trở kháng, khử vọng Phoenix MT107EHD (Bộ giao ban		9.790							x	Ghi giám tài sản thành CCDC								
287	Ti vi 32 in		7.000	1.925						x	Ghi giám tài sản thành CCDC								
288	Ti vi 32 in		6.500							x	Ghi giám tài sản thành CCDC								
289	Ti vi 32 in		6.500							x	Ghi giám tài sản thành CCDC								
290	Ti vi tinh thể lỏng 32 in	7.200								x	Ghi giám tài sản thành CCDC								
292	Tủ bảo quản thuốc loại to bằng Inox		7.500	1.875						x	Ghi giám tài sản thành CCDC								
293	Tủ bảo quản thuốc loại to bằng Inox		7.500	1.875						x	Ghi giám tài sản thành CCDC								
294	Tủ đầu giường Inox (10 Cái)		9.460							x	Ghi giám tài sản thành CCDC								
295	Tủ để đồ sau khi hấp sấy bằng Inox cỡ lớn		9.100	2.275						x	Ghi giám tài sản thành CCDC								
296	Tủ đựng thuốc đông y		6.000	1.650						x	Ghi giám tài sản thành CCDC								
297	Tủ đựng thuốc đông y		7.500	2.063						x	Ghi giám tài sản thành CCDC								
298	Tủ đựng thuốc đông y		6.000	1.650						x	Ghi giám tài sản thành CCDC								
299	Tủ đựng thuốc đông y		8.500	1.063						x	Ghi giám tài sản thành CCDC								
300	Tủ đựng thuốc đông y		7.500	2.063						x	Ghi giám tài sản thành CCDC								
301	Tủ lạnh Hitachi	8.850								x	Ghi giám tài sản thành CCDC								

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Lên thu được từ xử lý tài (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
302	Tủ lạnh SANYO	6.500								x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
303	Tủ sắt	16.000													x	
304	Tủ sấy điện 350	6.300								x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
305	Tủ sấy điện cỡ nhỏ		6.404	1.761						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
306	Tủ sấy điện cỡ nhỏ		6.404	1.761						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
307	Tủ sấy tiết kiệm ISUZU	54.000													x	
308	Tủ thuốc Y tế		5.990	749						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
309	Vật tư phụ kiện bộ giao ban trực tuyến (Cáp nối, khung giá, camera...)		5.500							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					

Ngày 07 tháng 01 năm 2025

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Sửu

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Trần Trung Thành

Bộ, tỉnh: tỉnh Yên Bái

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND huyện Lục Yên

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung tâm Y tế huyện Lục Yên

Mã đơn vị: 1120111

Loại hình đơn vị: khối sự nghiệp

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG

NĂM 2024

STT	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê						Liên doanh, liên kết					Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng)
		Số lượng/ diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng cho thuê tài sản (số..., ngày...)	Thời hạn cho thuê (từ đến....)	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản liên doanh, liên kết	Đối tác liên doanh liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên kết (số..., ngày...)	Thời hạn liên kết (từ.... đến...)	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Nhà, đất															
	Cơ sở nhà, đất tại...															
																
II	Xe ô tô															
	Xe 1															
III	Tài sản cố định khác															
	...															

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Sửu

Ngày 07 tháng 01 năm 2025

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, họ tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Trần Trung Thành